

11.2. Tên học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin

11.2.1. Số đơn vị học trình: 4 ĐVHT

11.2.2. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 45 tiết
- Thực hành (xêmina): 15 tiết.

11.2.3. Điều kiện tiên quyết.

- Sinh viên phải học môn Triết học Mác – Lênin trước khi học môn này.

11.2.4. Mục đích của học phần.

- Cung cấp cho sinh viên một cách tương đối có hệ thống, có chọn lọc những kiến thức cơ bản của môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin
- Để sinh viên nắm được các quan điểm cơ bản của Đảng về đường lối, chính sách kinh tế trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta, tạo sự nhất trí và củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sự tất thắng của CNXH.
- Tiếp tục bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận và tư duy kinh tế, vận dụng các kiến thức kinh tế - chính trị vào việc phân tích các vấn đề kinh tế, xã hội và thực tiễn của đất nước.

11.2.5. Nội dung chủ yếu.

Phần mở đầu: Nhập môn Kinh tế chính trị

Phần thứ nhất: Những vấn đề kinh tế chính trị của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Phần thứ hai: Những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

11.2.6. Người biên soạn: Ths. Lê Thị Hiền - Chủ nhiệm khoa Mác - Lênin

11.2.7. Nội dung chi tiết của học phần.

| Tên chương mục | Phân phối số tiết | | | |
|--|-------------------|----------|--------|----|
| | TS | LT | Xêmina | KT |
| Phần mở đầu: Nhập môn kinh tế chính trị | | | | |
| Chương 1. Đối tượng, phương pháp, chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin | 3 | 3 | | |
| 1.1. Đối tượng nghiên cứu của Kinh tế chính trị Mác - Lênin | | | | |
| 1.1.1. Nền sản xuất | | | | |
| 1.1.2. Đối tượng nghiên cứu của Kinh tế chính trị Mác - Lênin | | | | |
| 1.2. Phương pháp của Kinh tế chính trị Mác - Lênin | | | | |
| 1.3. Chức năng và ý nghĩa của việc học tập Kinh tế chính trị Mác - Lênin | | | | |
| 1.3.1. Chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin | | | | |
| 1.3.2. Sự cần thiết học tập Kinh tế chính trị Mác - Lênin | | | | |

| Tên chương mục | Phân phối số tiết | | | |
|--|-------------------|----------|------------|------------|
| | TS | LT | Xêmina | KT |
| Chương 2. Tái sản xuất xã hội và tăng trưởng kinh tế. | 7 | 5 | 1,5 | 0,5 |
| 2.1. Tái sản xuất xã hội | | | | |
| 2.1.1. Các khái niệm cơ bản về tái sản xuất xã hội | | | | |
| 2.1.2. Các khâu của quá trình tái sản xuất | | | | |
| 2.1.3. Những nội dung của tái sản xuất xã hội | | | | |
| 2.1.4. Hiệu quả của tái sản xuất xã hội | | | | |
| 2.1.5. Xã hội hóa sản xuất | | | | |
| 2.2. Tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội | | | | |
| 2.2.1. Tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế | | | | |
| 2.2.2. Tiến bộ xã hội | | | | |
| 2.2.3. Quan hệ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ xã hội | | | | |
| Chương 3. Sản xuất hàng hóa và các quy luật kinh tế của sản xuất hàng hóa | 9 | 6 | 2,5 | 0,5 |
| 3.1. Hàng hóa | | | | |
| 3.1.1. Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa | | | | |
| 3.1.2. Hàng hóa và hai thuộc tính của nó | | | | |
| 3.1.3. Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa | | | | |
| 3.2. Tiền tệ | | | | |
| 3.2.1. Bản chất của tiền tệ | | | | |
| 3.2.2. Các chức năng của tiền tệ | | | | |
| 3.2.3. Quy luật lưu thông tiền tệ. Lạm phát | | | | |
| 3.3. Quy luật giá trị, cạnh tranh và cung cầu | | | | |
| 3.3.1. Quy luật giá trị | | | | |
| 3.3.2. Cạnh tranh và quan hệ cung – cầu | | | | |
| 3.4. Thị trường | | | | |
| 3.4.1. Thị trường và chức năng của thị trường | | | | |
| 3.4.2. Giá cả thị trường và các nhân tố ảnh hưởng tới giá cả thị trường | | | | |
| Chương 4. Sản xuất giá trị thặng dư - quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản | 7 | 5 | 1,5 | 0,5 |
| 4.1. Sự chuyên hóa của tiền thành tư bản | | | | |
| 4.1.1. Công thức chung của tư bản và mâu thuẫn của nó | | | | |
| 4.1.2. Hàng hóa sức lao động | | | | |
| 4.2. Sản xuất giá trị thặng dư | | | | |
| 4.2.1. Quá trình sản xuất giá trị thặng dư | | | | |
| 4.2.2. Bản chất tư bản, tư bản bất biến, tư bản khả biến | | | | |
| 4.2.3. Tỷ suất và khối lượng giá trị thặng dư | | | | |
| 4.2.4. Giá trị thặng dư tuyệt đối, giá trị thặng dư tương đối và giá trị thặng dư siêu ngạch | | | | |
| 4.2.5. Nội dung và vai trò quy luật giá trị thặng dư | | | | |
| 4.3. Tiền công trong chủ nghĩa tư bản | | | | |
| 4.3.1. Bản chất của tiền công trong chủ nghĩa tư bản | | | | |

| Tên chương mục | Phân phối số tiết | | | |
|---|-------------------|----------|----------|----------|
| | TS | LT | Xêmina | KT |
| 4.3.2. Hình thức tiền công cơ bản | | | | |
| 4.3.3. Tiền công danh nghĩa và tiền công thực tiễn | | | | |
| 4.4. Tích lũy tư bản | | | | |
| 4.4.1. Thực chất của tích lũy tư bản và các nhân tố quyết định quy mô tích lũy tư bản | | | | |
| 4.4.2. Tích tụ và tập trung tư bản. Cấu tạo hữu cơ của tư bản | | | | |
| Chương 5. Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư | 6 | 4 | 2 | |
| 5.1. Lãi nhuận bình quân và giá cả sản xuất | | | | |
| 5.1.1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa, lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận | | | | |
| 5.1.2. Sự hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất | | | | |
| 5.2. Các hình thái tư bản và lợi nhuận của nó | | | | |
| 5.2.1. Tư bản thương nghiệp và lợi nhuận thương nghiệp | | | | |
| 5.2.2. Tư bản cho vay và lợi tức cho vay | | | | |
| 5.2.3. Công ty cổ phần, tư bản giả và thị trường chứng khoán | | | | |
| 5.2.4. Tư bản kinh doanh nông nghiệp và địa tô | | | | |
| Chương 6. Chủ nghĩa tư bản độc quyền, chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước và chủ nghĩa tư bản ngày nay | 4 | 4 | | |
| 6.1. Chủ nghĩa tư bản độc quyền | | | | |
| 6.1.1. Nguyên nhân hình thành và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền | | | | |
| 6.1.2. Đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền | | | | |
| 6.2. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước | | | | |
| 6.2.1. Nguyên nhân ra đời và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước | | | | |
| 6.2.2. Những hình thức chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước | | | | |
| 6.3. Chủ nghĩa tư bản ngày nay | | | | |
| 6.3.1. Những biểu hiện mới trong năm đặc điểm của chủ nghĩa tư bản độc quyền | | | | |
| 6.3.2. Những biểu hiện mới trong cơ chế điều tiết kinh tế của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước | | | | |
| 6.4. Những thành tựu, giới hạn và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản | | | | |
| 6.4.1. Những thành tựu chủ nghĩa tư bản đạt được | | | | |
| 6.4.2. Giới hạn và hậu quả chủ nghĩa tư bản gây ra | | | | |
| 6.3.3. Xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản | | | | |
| Phần thứ hai | | | | |
| Những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | | | | |
| Chương 7. Quá độ lên CNXH và nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam | 6 | 4 | 1 | 1 |
| 7.1. Thời kỳ quá độ và quá độ lên CNXH ở Việt Nam | | | | |

| Tên chương mục | Phân phối số tiết | | | |
|---|-------------------|----------|------------|------------|
| | TS | LT | Xêmina | KT |
| 7.1.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về thời kỳ quá độ lên CNXH | | | | |
| 7.1.2. Tính tất yếu và đặc điểm của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam | | | | |
| 7.1.3. Nhiệm vụ kinh tế cơ bản trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam | | | | |
| 7.2. Sở hữu về tư liệu sản xuất và các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam | | | | |
| 7.2.1. Sở hữu tư liệu sản xuất trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam | | | | |
| 7.2.2. Các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam | | | | |
| Chương 8. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | 7 | 5 | 1,5 | 0,5 |
| 8.1. Tính tất yếu và tác dụng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa | | | | |
| 8.1.1. Khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tính tất yếu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa | | | | |
| 8.1.2. Tác dụng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa | | | | |
| 8.2. Cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại với vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam | | | | |
| 8.2.1. Đặc trưng cơ bản của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại và sự hình thành nền kinh tế tri thức | | | | |
| 8.2.2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam | | | | |
| 8.3. Nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam | | | | |
| 8.3.1. Thực hiện cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại để xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất | | | | |
| 8.3.2. Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý và phân công lại lao động xã hội | | | | |
| 8.4. Những tiền đề khách quan để công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta | | | | |
| 8.4.1. Tạo vốn cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa | | | | |
| 8.4.2. Đào tạo nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa | | | | |
| 8.4.3. Xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ theo yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa | | | | |
| 8.4.4. Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại | | | | |
| 8.4.5. Sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước | | | | |
| Chương 9. Kinh tế nông thôn trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | 2 | 2 | | |
| 9.1. Kinh tế nông thôn và vai trò của nó trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | | | | |
| 9.1.1. Kinh tế nông thôn | | | | |
| 9.1.2. Vai trò của kinh tế nông thôn trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | | | | |

| Tên chương mục | Phân phối số tiết | | | |
|---|-------------------|----------|------------|------------|
| | TS | LT | Xêmina | KT |
| 9.2. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam | | | | |
| 9.2.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn | | | | |
| 9.2.2. Phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn theo định hướng xã hội chủ nghĩa | | | | |
| Chương 10. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. | 6 | 4 | 1,5 | 0,5 |
| 10.1. Sự cần thiết khách quan phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam | | | | |
| 10.1.1. Sự cần thiết khách quan và lợi ích của việc phát triển kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường | | | | |
| 10.1.2. Đặc điểm kinh tế thị trường trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam | | | | |
| 10.1.3. Các giải pháp để phát triển kinh tế thị trường | | | | |
| 10.2. Vai trò của nhà nước và các công cụ quản lý vĩ mô đối với kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa | | | | |
| 10.2.1. Vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam | | | | |
| 10.2.2. Các công cụ quản lý vĩ mô nền kinh tế thị trường định hướng XHCN | | | | |
| Chương 11. Kinh tế đối ngoại trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | 3 | 3 | | |
| 11.1. Tính khách quan của việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại | | | | |
| 11.2. Những hình thức kinh tế đối ngoại chủ yếu hiện nay | | | | |
| 11.2.1. Hợp tác trong lĩnh vực sản xuất | | | | |
| 11.2.2. Hợp tác khoa học- kỹ thuật | | | | |
| 11.2.3. Ngoại thương | | | | |
| 11.2.4. Đầu tư quốc tế | | | | |
| 11.2.5. Tín dụng | | | | |
| 11.2.6. Các hình thức dịch vụ thu ngoại tệ, du lịch quốc tế | | | | |
| 11.3. Mục tiêu, phương hướng, nguyên tắc cơ bản nhằm mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại | | | | |
| 11.3.1. Về mục tiêu | | | | |
| 11.3.2. Phương hướng cơ bản nhằm mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại | | | | |
| 11.3.3. Nguyên tắc cơ bản cần quán triệt trong việc mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại | | | | |
| 11.4. Các giải pháp nhằm mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại | | | | |

11.2.8. Giáo trình và Tài liệu tham khảo.

11.2.8.1. *Đề cương các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh trình độ đại học, cao đẳng* (tài liệu lưu hành nội bộ) - Bộ Giáo dục và Đào tạo - HN, 2003.

11.2.8.2 *Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin* (dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng) - Bộ Giáo dục và Đào tạo - NXB Chính trị Quốc gia, HN 2002